

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề: 126

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; Ba = 137.

Câu 1: Kim loại nào sau đây có tính dẫn điện tốt nhất trong tất cả các kim loại?

- A. Vàng. B. Bạc. C. Đồng. D. Nhôm.

Câu 2: Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm thổ?

- A. Na. B. Ca. C. Al. D. Fe.

Câu 3: Cách bảo quản thực phẩm (thịt, cá...) bằng cách nào sau đây được coi là an toàn là dùng nước đá hay nước đá khô. Vậy nước đá khô là

- A. HCHO rắn. B. C₂H₅OH rắn. C. (NH₂)₂CO rắn. D. CO₂ rắn.

Câu 4: Este vinyl axetat có công thức là

- A. CH₃COOCH₃. B. CH₃COOCH=CH₂. C. CH₂=CHCOOCH₃. D. HCOOCH₃.

Câu 5: Cho dung dịch NaOH vào dung dịch chất X, thu được kết tủa màu trắng xanh (xanh rêu). Chất X là

- A. FeCl₃. B. MgCl₂. C. CuCl₂. D. FeCl₂.

Câu 6: Dung dịch Gly-Ala-Gly phản ứng được với dung dịch nào sau đây?

- A. NaOH. B. KNO₃. C. NaCl. D. NaNO₃.

Câu 7: Kim loại Nhôm **không** phải ứng được với dung dịch nào sau đây?

- A. H₂SO₄ loãng, nguội. B. HNO₃ loãng. C. HNO₃ đặc, nguội. D. H₂SO₄ đặc, nóng.

Câu 8: Công thức của Crom (VI) oxit là

- A. Cr₂O₃. B. CrO₃. C. CrO. D. Cr₂O₆.

Câu 9: Dãy gồm các chất được dùng để tổng hợp cao su Buna-S là

- A. CH₂=C(CH₃)-CH=CH₂, C₆H₅CH=CH₂. B. CH₂=CH-CH=CH₂, C₆H₅CH=CH₂.
C. CH₂=CH-CH=CH₂, lưu huỳnh. D. CH₂=CH-CH=CH₂, CH₃-CH=CH₂.

Câu 10: Cho kim loại X tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng rồi lấy khí thu được để khử oxit của kim loại Y. Hai kim loại X và Y lần lượt là

- A. Cu và Fe. B. Fe và Cu. C. Zn và Al. D. Cu và Ag.

Câu 11: Glucozơ **không** thuộc loại

- A. hợp chất tạp chức. B. cacbohidrat. C. monosaccarit. D. đisaccarit.

Câu 12: Thành phần chính của quặng nào sau đây có chứa hợp chất của nguyên tố Canxi, Magie

- A. Manhetit. B. Boxit. C. Xinvinit. D. Đolomit.

Câu 13: Phương pháp tách biệt và tinh chế nào sau đây **không** đúng với cách làm là:

- A. Quá trình làm muối ăn từ nước biển hay làm đường phèn từ nước mía là phương pháp kết tinh.
B. Nấu rượu sau khi ủ men rượu từ nguyên liệu như tinh bột hay xenlulozơ là phương pháp chưng cất.
C. Khi thu được hỗn hợp gồm tinh dầu sả nổi trên lớp nước ta tách lấy tinh dầu là phương pháp chiết.
D. Khi làm trứng muối (ngâm trứng trong dd NaCl bão hòa hay phủ tro muối) là phương pháp kết tinh.

Câu 14: Cho các phương trình hóa học sau:

- (a) ZnS + 2HCl → ZnCl₂ + H₂S
(b) Na₂S + 2HCl → 2NaCl + H₂S
(c) 2AlCl₃ + 3Na₂S + 6H₂O → 2Al(OH)₃ + 3H₂S + 6NaCl
(d) BaS + H₂SO₄ (loãng) → BaSO₄ + H₂S

Số phương trình hóa học có phương trình ion rút gọn S²⁻ + 2H⁺ → H₂S là

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 15: Chất **X** có các đặc điểm sau: phân tử có nhiều nhóm $-OH$, có vị ngọt, hòa tan $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường, phân tử có liên kết glycozit, làm mất màu nước brom. Chất **X** là

- A. Glucozơ. B. Mantozơ. C. Saccarozơ. D. Xenlulozơ.

Câu 16: Cho các chất sau: etylamin, alanin, phenylamoni clorua, natri axetat. Số chất phản ứng được với dung dịch HCl là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 17: Cho 9,0 gam Fe vào 300 ml dung dịch $AgNO_3$ 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam hỗn hợp kim loại. Giá trị của m là

- A. 35,8. B. 33,0. C. 16,2. D. 32,4.

Câu 18: Cho V ml dung dịch KOH 2M vào 150 ml dung dịch $Al_2(SO_4)_3$ 1M, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 19,5 gam kết tủa. Giá trị lớn nhất của V là

- A. 375. B. 575. C. 475. D. 450.

Câu 19: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp **X** gồm tinh bột, xenlulozơ và glucozơ cần 3,528 lít O_2 (đktc) thu được 2,52 gam H_2O . Giá trị m là

- A. 8,68. B. 7,35. C. 5,04. D. 4,41.

Câu 20: Đốt cháy hoàn toàn một α - amino axit **X** có dạng $H_2N-C_nH_{2n}-COOH$, thu được 0,3 mol CO_2 và 0,05 mol N_2 . Công thức phân tử của **X** là

- A. $C_5H_{11}O_2N$. B. $C_3H_6O_2N$. C. $C_2H_5O_2N$. D. $C_3H_7O_2N$.

Câu 21: Cho các phát biểu sau:

- (a) Điện phân dung dịch NaCl (điện cực trơ, có màng ngăn), thu được khí Cl_2 ở catot.
(b) Cho CO dư qua hỗn hợp Fe_2O_3 và CuO đun nóng, thu được Fe và Cu.
(c) Nhúng thanh Zn vào dung dịch chứa $CuSO_4$ và H_2SO_4 , có xuất hiện ăn mòn điện hóa.
(d) Kim loại dẻo nhất là Au, kim loại có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là Hg.
(e) Để điều chế kim loại nhôm người ta điện phân nóng chảy Al_2O_3 .

Số phát biểu đúng là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 22: Thủy phân este có hai liên kết pi trong phân tử, mạch hở **X** ($M_X < 88$), thu được sản phẩm có phản ứng tráng bạc. Số công thức cấu tạo phù hợp của **X** là

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 6.

Câu 23: Cho các chất: $Ca(HCO_3)_2$, H_2NCH_2COOH , $HCOONH_4$, $Al(OH)_3$, Al, $(NH_4)_2CO_3$, Cr_2O_3 . Số chất vừa tác dụng được với dung dịch NaOH loãng vừa tác dụng với dung dịch HCl là

- A. 4. B. 6. C. 5. D. 7.

Câu 24: Cho các chất sau: propan, etilen, propin, buta -1,3-đien, stiren, glixerol, phenol, vinyl axetat, anilin. Số chất tác dụng được với nước brom ở điều kiện thường là

- A. 6. B. 8. C. 9. D. 7.

Câu 25: Tiến hành các thí nghiệm:

- (a) Cho $AgNO_3$ vào dung dịch $Fe(NO_3)_2$. (b) Dẫn NH_3 qua ống đựng CuO nung nóng.
(c) Nhiệt phân $AgNO_3$. (d) Cho Al vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$ dư.
(e) Cho K vào dung dịch $Cu(NO_3)_2$.

Sau khi kết thúc phản ứng, số thí nghiệm có tạo thành kim loại là

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 26: Cho các phát biểu sau:

- (a) Cho dung dịch $Ba(OH)_2$ dư vào dung dịch $Al_2(SO_4)_3$ phản ứng kết thúc có kết tủa trắng.
(b) Nhỏ dung dịch $Ba(HCO_3)_2$ vào dung dịch $NaHSO_4$, thu được kết tủa trắng và có khí thoát ra.
(c) Nước cứng là nước chứa nhiều ion HCO_3^- , SO_4^{2-} , Cl^- .
(d) $NaHCO_3$ được dùng làm thuốc chữa đau dạ dày do nguyên nhân thừa axit trong dạ dày.
(e) Hỗn hợp tecmit (dùng để hàn gắn đường ray) gồm bột Fe và Al_2O_3 .
(f) Cr_2O_3 được dùng để tạo màu lục cho đồ sứ, đồ thủy tinh.

Số phát biểu đúng là

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 6.

Câu 27: Hấp thu hết 6,72 lít CO_2 (ở đktc) vào dung dịch chứa x mol NaOH và y mol Na_2CO_3 thu được 300ml dung dịch **X**. Cho từ từ đến hết 200ml dung dịch **X** vào 100ml dung dịch **Y** gồm HCl 1,0M và

H_2SO_4 1,0M, thu được 5,376 lít khí (ở đktc). Mặt khác 100 ml dung dịch **X** tác dụng với dung dịch $BaCl_2$ dư thu được 7,88 gam kết tủa. Giá trị của $(x + y)$ là

- A. 0,42. B. 0,39. C. 0,46. D. 0,36.

Câu 28: Đốt cháy hoàn toàn 13,728 gam một triglixerit **X** cần vừa đủ 27,776 lít O_2 (đktc) thu được số mol CO_2 và số mol H_2O hơn kém nhau 0,064 mol. Mặt khác, hidro hóa hoàn toàn một lượng **X** cần 0,096 mol H_2 thu được m gam chất hữu cơ **Y**. Xà phòng hóa hoàn toàn m gam **Y** bằng dung dịch NaOH thu được dung dịch chứa a gam muối. Giá trị **gần nhất** của a là

- A. 11,424. B. 42,72. C. 42,528. D. 41,376.

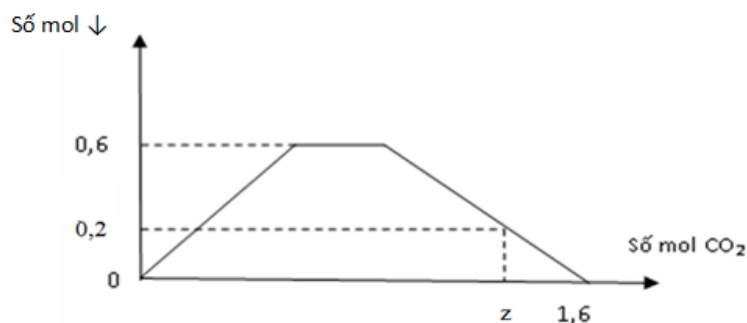
Câu 29: Hợp chất mạch hở **X**, có công thức phân tử $C_4H_8O_3$. Khi cho **X** tác dụng với dung dịch NaOH đun nóng, thu được muối **Y** và ancol **Z**. Ancol **Z** hòa tan được $Cu(OH)_2$. Số đồng phân cấu tạo thỏa mãn điều kiện trên của **X** là

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 30: Hỗn hợp **X** gồm hidrocarbon **A** ở thể khí với H_2 (dư), có tỉ khối của **X** so với H_2 bằng 4,8. Cho hỗn hợp **X** đi qua ống đựng bột niken, nung nóng đến phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp **Y** có tỉ khối so với H_2 bằng 8. Công thức phân tử của **A** là

- A. C_2H_2 . B. C_3H_4 . C. C_3H_6 . D. C_4H_8 .

Câu 31: Khi sục từ từ đến dư CO_2 vào dung dịch có chứa 0,1 mol KOH, x mol NaOH và y mol $Ca(OH)_2$. Kết quả thí nghiệm thu được biểu diễn trên đồ thị sau:



Giá trị của x, y và z lần lượt là:

- A. 0,2; 0,4 và 1,5. B. 0,5; 0,6 và 1,4. C. 0,2; 0,6 và 1,2. D. 0,3; 0,6 và 1,4.

Câu 32: Cho các phát biểu sau:

- (a) Oxi hóa glucozơ hay fructozơ thu được sobitol.
 (b) $H_2NCH_2CONHCH_2CH_2COOH$ là dipeptit.
 (c) Cao su sau khi được lưu hóa có tính đàn hồi và chịu nhiệt tốt hơn.
 (d) Muối natri của axit glutamic được sử dụng sản xuất mì chính (bột ngọt).
 (e) Tơ visco và tơ axetat thuộc loại tơ nhân tạo có nguồn gốc từ xenlulozơ.
 (f) Xăng E5 là xăng sinh học được pha 5% bio-ethanol, 95% còn lại là xăng Ron A92.

Số phát biểu đúng là

- A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 33: Có 4 lọ dung dịch sau: $KHSO_4$, HCl, $BaCl_2$, $NaHSO_3$ được đánh số ngẫu nhiên không theo thứ tự là **A**, **B**, **C**, **D**. Để xác định hóa chất trong mỗi lọ người ta tiến hành các thí nghiệm và thấy hiện tượng như sau:

- Cho dung dịch **A** tác dụng với dung dịch **B** thấy có xuất hiện kết tủa.
- Cho dung dịch **B** hay **D** tác dụng với dung dịch **C** đều thấy khí không màu có mùi hắc bay ra.
- Cho dung dịch **D** tác dụng với dung dịch **A** thì không thấy hiện tượng gì.

Các chất **A**, **B**, **C**, **D** lần lượt là:

- A. $KHSO_4$, $BaCl_2$, HCl, $NaHSO_3$. B. $BaCl_2$, $KHSO_4$, $NaHSO_3$, HCl.
 C. $KHSO_4$, $BaCl_2$, $NaHSO_3$, HCl. D. $BaCl_2$, $NaHSO_3$, $KHSO_4$, HCl.

Câu 34: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (a) Cho dung dịch $Ca(OH)_2$ dư vào dung dịch $Mg(HCO_3)_2$.
 (b) Cho dung dịch $FeCl_2$ vào dung dịch $AgNO_3$ (dư).
 (c) Cho 2x mol Ba vào dung dịch chứa x mol $Al_2(SO_4)_3$.
 (d) Cho từ từ đến dư dung dịch NaOH vào dung dịch chứa $AlCl_3$ và $CuCl_2$.
 (e) Cho dung dịch chứa 4a mol $Ba(OH)_2$ vào dung dịch chứa 3a mol H_3PO_4 và đun nóng.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
NGUYỄN QUANG ĐIỀU

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019
LẦN 2

Môn thi thành phần: HÓA HỌC

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề
(Đề thi có 40 câu / 4 trang)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề: 126

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; Ba = 137.

I. CẤU TRÚC ĐỀ:

Lớp	MỤC LỤC	Nhận biết Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	TỔNG
12	Este – lipit	1	4	1	6
	Cacbohidrat	3			3
	Amin – Aminoaxit - Protein	2		1	3
	Polime và vật liệu	1		1	2
	Đại cương kim loại	2	1	1	5
	Kiểm – Kiểm thử - Nhôm	2	3		5
	Crom – Sắt	2			2
	Phân biệt và nhận biết	1			1
	Hoá học thực tiễn Thực hành thí nghiệm	2	1		3
11	Điện li	1			1
	Nitơ – Photpho – Phân bón				
	Cacbon - Silic	1			1
	Đại cương - Hidrocacbon		1		1
	Ancol – Andehit – Axit				0
10	Kiến thức lớp 10				0
	Tổng hợp hoá vô cơ		3		3
	Tổng hợp hoá hữu cơ	1	2	1	4

II. ĐÁNH GIÁ – NHẬN XÉT:

- Đề có cấu trúc giống đề minh họa.

III. ĐÁP ÁN THAM KHẢO:

PHẦN ĐÁP ÁN

1B	2B	3D	4B	5D	6A	7C	8B	9B	10B
11D	12D	13D	14C	15B	16A	17B	18C	19D	20D
21B	22A	23B	24D	25A	26A	27A	28B	29A	30B
31D	32C	33B	34D	35A	36A	37C	38A	39C	40A

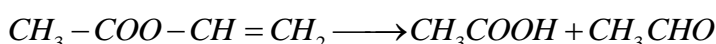
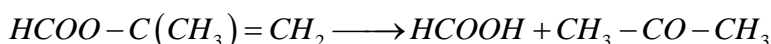
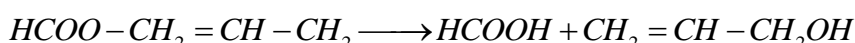
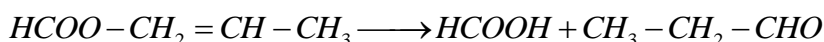
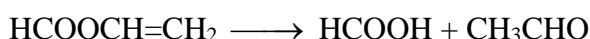
HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 21. Chọn B.

(a) Sai, Điện phân dung dịch NaCl (điện cực trơ, có màng ngăn), thu được khí Cl₂ ở anot.

Câu 22. Chọn A.

Số đồng phân của X thoả mãn là



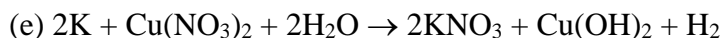
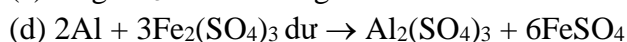
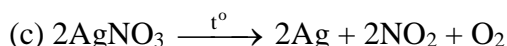
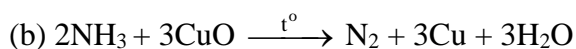
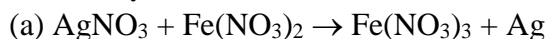
Câu 23. Chọn B.

Chất tác dụng được với HCl và NaOH là Ca(HCO₃)₂, H₂NCH₂COOH, HCOONH₄, Al(OH)₃, Al, (NH₄)₂CO₃.

Câu 24. Chọn D.

Chất tác dụng được với nước brom ở điều kiện thường là etilen, propin, buta -1,3-đien, stiren, phenol, vinyl axetat, anilin.

Câu 25. Chọn A.



Câu 26. Chọn A.

(c) Sai, Nước cứng là nước chứa nhiều ion Ca²⁺, Mg²⁺.

(e) Sai, Hỗn hợp tecmit gồm bột oxit sắt và Al.

Câu 27. Chọn A.

$$\text{Khi cho 200ml X vào Y thì thu được 0,24 mol CO}_2 \Rightarrow \begin{cases} n_{HCO_3^-} + n_{CO_3^{2-}} = 0,24 \\ n_{HCO_3^-} + 2n_{CO_3^{2-}} = 0,3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} n_{HCO_3^-} = 0,18 \\ n_{CO_3^{2-}} = 0,06 \end{cases}$$

$$\text{Khi cho 100ml X vào BaCl}_2 \text{ dư thì: } n_{CO_3^{2-}} = n_{BaCO_3} = 0,04 \text{ mol} \Rightarrow n_{HCO_3^-} = 0,12 \text{ mol}$$

$$\text{Trong 300ml X có Na}^+; HCO_3^-: 0,36 \text{ mol; CO}_3^{2-}: 0,12 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BTDT}} n_{Na^+} = 0,6 \text{ mol}$$

$$\xrightarrow{\text{BT:C}} y = 0,18 \text{ và } \xrightarrow{\text{BT:Na}} x = 0,24. \text{ Vậy } x + y = 0,42$$

Câu 28. Chọn B.

$$\text{Ta có: } \begin{cases} n_{CO_2} - n_{H_2O} = 0,064 \\ 44n_{CO_2} + 18n_{H_2O} = 53,408 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} n_{CO_2} = 0,88 \text{ mol} \\ n_{H_2O} = 0,816 \text{ mol} \end{cases} \xrightarrow{\text{BT:O}} n_X = 0,016 \text{ mol}$$

$$\text{Áp dụng độ bất bão hoà: } n_{CO_2} - n_{H_2O} = (k-1)n_X \Rightarrow k = 5$$

$$\text{Khi cho X tác dụng với H}_2 \text{ thì: } n_{H_2} = 2n_X = 0,032 \text{ mol}$$

$$\text{Nếu có 0,06 mol H}_2 \text{ thì thu được: } m_Y = 41,376 \text{ (g)} \Rightarrow n_Y = 0,048 \text{ mol}$$

Khi cho **Y** tác dụng với NaOH thì: $\xrightarrow{\text{BTKL}} a = 41,376 + 40.0,144 - 92.0,048 = 42,72 \text{ (g)}$

Câu 29. Chọn A.

Các đồng phân thoả mãn là $\text{HCOOCH}_2\text{CH}(\text{CH}_3)\text{OH}$; $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_2\text{OH}$; $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$.

Câu 30. Chọn B.

Đặt CTTQ của H.C là $\text{C}_n\text{H}_{2n+2-2k}$: x mol và H_2 : y mol

Vì $M_Y = 16 \Rightarrow \text{H}_2$ còn dư. Dựa vào đáp án suy ra A có k = 1 hoặc k = 2

+ Với k=1 $\Rightarrow M_X = 21$ (loại)

+ Với k=2 $\Rightarrow M_X = 42 \Rightarrow \mathbf{X}$ là C_3H_4

Câu 31. Chọn D.

Tại $n_{\downarrow} = 0,6 \text{ mol} \Rightarrow y = 0,6$

Tại $n_{\text{CO}_2} = 1,6 \text{ mol} \Rightarrow 0,1 + x + 2y = 1,6 \Rightarrow x = 0,3$

Tại $n_{\text{CO}_2} = z \Rightarrow n_{\text{OH}^-} - z = n_{\downarrow} \Rightarrow 1,6 - z = 0,2 \Rightarrow z = 1,4$

Câu 32. Chọn C.

(a) Sai, Khử hóa glucozơ hay fructozơ thu được sobitol.

(b) Sai, $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ là không phải peptit.

(d) Sai, Muối mononatri của axit glutamic được sử dụng sản xuất mì chính (bột ngọt).

Câu 33. Chọn B.

Các chất **A, B, C, D** lần lượt là BaCl_2 , KHSO_4 , NaHSO_3 , HCl .

Câu 34. Chọn D.

(a) $\text{Ca}(\text{OH})_2 \text{ dư} + \text{Mg}(\text{HCO}_3)_2 \rightarrow \text{CaCO}_3\downarrow + \text{MgCO}_3\downarrow + 2\text{H}_2\text{O}$

(b) $\text{FeCl}_2 + 3\text{AgNO}_3 \text{ (dư)} \rightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + 2\text{AgCl}\downarrow + \text{Ag}\downarrow$

(c) $3\text{Ba} + \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \text{ (dư)} + 6\text{H}_2\text{O} \rightarrow 3\text{BaSO}_4\downarrow + 2\text{Al}(\text{OH})_3\downarrow + 3\text{H}_2$

(d) Cho từ từ đến dư dung dịch NaOH vào dung dịch AlCl_3 và CuCl_2 thu được một kết tủa $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

(e) Ta thấy tỉ lệ mol giữa OH^- và H_3PO_4 là 2,67 \Rightarrow 2 muối kết tủa là Ba_3PO_4 và BaHPO_4 .

Câu 35. Chọn A.

Tại catot có Cu (x mol) và tại anot có Cl_2 (0,1125 mol); O_2 (y mol)

Ta có:
$$\begin{cases} 64x + 32y + 0,1125 \cdot 71 = 21,1875 \\ \xrightarrow{\text{BT:e}} 2x = 0,1125 \cdot 2 + 4y \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x = 0,1875 \\ y = 0,0375 \end{cases}$$

Dung dịch **Y** có chứa H^+ : 0,375 mol; Cu^{2+} dư: 0,1125 mol.

Khi cho 22,5 gam Fe tác dụng với **Y** thì: $n_{\text{Fe dư}} = \frac{n_{\text{H}^+}}{2} + n_{\text{Cu}^{2+}} = 0,3 \text{ mol}$

Kim loại thu được gồm Fe dư và Cu (0,1125 mol) $\Rightarrow m = 12,9 \text{ (g)}$

Câu 36. Chọn A.

$\xrightarrow{\text{BTKL}} n_{\text{O}_2} = 0,315 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BT:O}} n_{\text{M}} = 0,05 \text{ mol} < n_{\text{NaOH}} \Rightarrow$ Trong **M** có một este của phenol

với
$$\begin{cases} n_{\text{X,Y}} + n_{\text{Z}} = 0,05 \\ n_{\text{X,Y}} + 2n_{\text{Z}} = 0,07 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} n_{\text{X,Y}} = 0,03 \text{ mol} \\ n_{\text{Z}} = 0,02 \text{ mol} \end{cases} \rightarrow (k_1 - 1) \cdot 0,03 + (k_2 - 1) \cdot 0,02 = 0,11 \Rightarrow \begin{cases} k_1 = 2 \\ k_2 = 5 \end{cases}$$

$\xrightarrow{\text{BT:C}} 0,03 \cdot \text{C}_{\text{X,Y}} + 0,02 \cdot \text{C}_{\text{Z}} = 0,28 \Rightarrow \begin{cases} \text{C}_{\text{X,Y}} = 4 \\ \text{C}_{\text{Z}} = 8 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} \text{HCOOCH}_2\text{CH} = \text{CH}_2 \\ \text{HCHCOOCH} = \text{CHCH}_3 \\ \text{HCOOC}_6\text{H}_4\text{CH}_3 \end{cases}$

Muối thu được gồm HCOONa (0,05 mol) và $\text{CH}_3\text{C}_6\text{H}_4\text{ONa}$ (0,02 mol) $\Rightarrow m = 6 \text{ gam}$.

Câu 37. Chọn C.

Trong 2m: $n_{\text{e nhận}} = 2n_{\text{SO}_2} = 2,38 \text{ mol}$. Trong m: $n_{\text{e nhận}} = 1,19 \text{ mol} \Rightarrow n_{\text{H}_2} = 0,595 \text{ mol}$

$\xrightarrow{\text{BTKL}} m + 36,5 \cdot (1,19 + 2 \cdot n_{\text{O}}) = m + 70,295 + 2 \cdot 0,595 + 18 \cdot n_{\text{O}} \Rightarrow n_{\text{O}} = 0,51 \text{ mol}$

Trong 3m: $n_{\text{e nhận}} = 3,57 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BT:e}} n_{\text{NH}_4\text{NO}_3} = 0,08625 \text{ mol}$

mà $m_{\text{muối}} = m_{\text{KL}} + m_{\text{NO}_3^-} + m_{\text{NH}_4\text{NO}_3} = (3m - 16 \cdot 0,51 \cdot 3) + 62 \cdot (3,57 + 0,51 \cdot 3 \cdot 2) + 80 \cdot 0,08625 = 486,45$

$\Rightarrow m = 30,99 \text{ gam}$.

